

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch
& Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009,
Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017)*

- Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943
- Số fax: (0299) 3821278
- Website: www.soctrangwaco.vn
- Email: info@soctrangwaco.vn

NĂM 2022

Số: 107/BC-CN

Sóc Trăng, ngày 8 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính)

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
- Tên viết tắt: SOCTRANGWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017.
- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 158.631.330.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng*)
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943 - Số fax: (0299) 3821278
- Website: www.soctrangwaco.vn - Email: info@soctrangwaco.vn
- Mã cổ phiếu: STW

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Nhà máy nước Sóc Trăng được thành lập vào năm 1964 (*tên gọi là Công quản Nhà máy nước Khánh Hưng*), công suất ban đầu là 3.000 m³/ngày đêm từ nguồn nước mặt của kênh Ô Ven qua Chợ Vững Thơm vào Hồ Nước Ngọt, được quản lý và điều hành bởi một Hội đồng Công quản.

- Đến năm 1968, hình thành thêm hai Nhà máy nước Mỹ Xuyên và Phú Tâm cung cấp vòi nước công cộng và chủ yếu vận hành bơm nước bằng máy nổ.

- Năm 1972, đổi tên là Trung tâm Cấp thủy trực thuộc Quốc gia sản cấp Thủy cục do Bộ Công Chánh chế độ Sài Gòn cũ quản lý.

- Đến năm 1992, Nghị quyết Quốc hội chia Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Từ Xí nghiệp Cấp nước, được UBND tỉnh Sóc Trăng quyết định nâng lên thành Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng. Bước đầu mới thành lập gồm có Nhà máy nước Thị xã công suất 8.000 m³/ngày đêm và 03 Chi nhánh huyện trực thuộc Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và Vĩnh Châu với tổng số vốn ban đầu là một tỷ tám trăm triệu đồng, tổng số hộ được cấp nước là 4.350 hộ.

- Đầu năm 2010, Công ty Cấp nước Sóc Trăng được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng kể từ ngày 01/01/2010 do Nhà nước sở hữu 100% vốn (theo Quyết định số 560/QĐTC-CTUBND ngày 18/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng).

- Ngày 26/6/2017, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1504/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

- Công ty tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập lần thứ nhất vào ngày 28/12/2017 và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017, với mức vốn điều lệ là 158.631.330.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh của công ty

STT	NGÀNH NGHỀ	MÃ NGÀNH
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Sản xuất và phân phối nước sạch);	3600 (chính)
2.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Sản xuất nước uống đóng chai);	1104
3.	Sản xuất khai thác chưa phân vào đâu (chế tạo thiết bị ngành nước);	3290
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán vật tư, thiết bị ngành nước);	4663
5.	Xây dựng nhà các loại;	4100
6.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;	4210
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290
8.	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	4322
10.	Đại lý môi giới đầu giá (Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa);	4610
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (bán hóa chất ngành nước trừ hóa chất nhà nước cấm);	4669
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210

STT	NGÀNH NGHỀ	MÃ NGÀNH
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa;	5229
15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
16.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản. Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
17.	Hoạt động tư vấn quản lý (<i>tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình</i>);	7020
18.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (<i>Dịch vụ kiểm định đo lường đồng hồ nước</i>);	7120
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (<i>Xuất, nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa</i>).	8299

SOCTRANGWACO cung cấp nước sạch khu vực trọng điểm là thành phố Sóc Trăng và trung tâm các huyện, thị xã, thị trấn trong toàn tỉnh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên;
- Ban kiểm soát: 03 thành viên;
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên;
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc: 03 thành viên;
 - + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
 - + Các phòng, ban, xí nghiệp nghiệp vụ: 07 đơn vị;
 - + Các Xí nghiệp cấp nước trực thuộc: 12 đơn vị.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty, với các thông tin

- Tên công ty: **Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng**
- Địa chỉ: Đường D4, KCN An Nghiệp, P7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200680885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 28/10/2013
- Vốn điều lệ: 41.600.000 (Bốn mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng)
- Cổ phần sở hữu: 1.206.400 cổ phần, chiếm 29% vốn điều lệ

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển ngày càng lớn mạnh.
- Tiếp tục thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh Sóc Trăng với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và doanh nghiệp trong toàn tỉnh Sóc Trăng.
- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm so với năm trước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư xây dựng các nhà máy, cụm xử lý, nâng cấp các nhà máy nước để bổ sung nguồn nước cho khu vực tỉnh Sóc Trăng và các vùng lân cận.
- Đầu tư hệ thống điện mặt trời tại một số nhà máy nước nhằm giảm dần lượng tiêu thụ điện năng ngày càng lớn, giảm chi phí hoạt động của Công ty.
- Đầu tư dự án chống thất thoát, sửa chữa, vệ sinh mạng lưới cấp nước.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước (nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường....
- Đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

6. Các rủi ro

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.
- Công tác sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong tỉnh đã buộc công ty phải chịu chi phí di dời các tuyến ống, ảnh hưởng đến việc cấp nước cho khách hàng và kiểm soát thất thoát nước.
- Nguồn nước ngầm đang dần cạn kiệt, nguồn nước mặt bị ô nhiễm, hiện tượng xâm nhập mặn tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng do biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng

07
NG
PH
PN
CT
SÓC TRĂNG

phức tạp đã ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước của công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- M³ nước thương phẩm: 20.663.239 m³, đạt tỷ lệ 96,7 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 6% so với năm 2020.

- Tổng doanh thu: 197.607.136.331 đồng, tăng 4,25% so với năm 2020 và đạt 96,17% so với kế hoạch.

Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 186.637.803.387 đồng, chiếm 96,34%

+ Doanh thu lắp đặt: 2.903.405.232 đồng, chiếm 1,50%

+ Doanh thu nước đóng chai: 3.459.654.036 đồng, chiếm 1,79 %

+ Doanh thu khác: 733.319.673 đồng, chiếm 0,37 %

- Lợi nhuận sau thuế: 12.249.316.936 đồng, đạt tỷ lệ 111,3 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 18% so với 2020.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết
1	Đặng Văn Ngo	Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	7.900
2	Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1972	Kỹ sư CTN, Cử nhân Luật	3.893.767
3	Nguyễn Quang Mai	Phó Tổng Giám đốc	1977	Thạc sỹ kỹ thuật	3.172.626
4	Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	8.500
5	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng	1981	Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật	200

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

2.3. Số lượng cán bộ CNV-LĐ tính đến hết ngày 31/12/2021

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	295	
- Trên đại học	06	2,03%
- Đại học, cao đẳng	118	40,00%
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	99	33,56%
- Lao động qua đào tạo khác	72	24,41%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
II. Phân theo hợp đồng lao động	295	
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	294	99,66%
- Hợp đồng lao động ngắn hạn từ 01-03 năm	00	0,00%
- Hợp đồng lao động dưới 01 năm	01	0,34%

2.4. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động đúng theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ;

- Công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Mạng lưới

TT	TÊN DỰ ÁN
1	Mở rộng tuyến ống cấp nước tuyến lộ ấp An Phú, thị trấn Kế Sách (cầu Na Trung)
2	Tuyến ống truyền tải Kế Sách - Kế Thành
3	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Huyện 48, thị xã Vĩnh Châu (Cà Lăng A Biển)
4	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Huyện 64, ấp Phú Tân, thị trấn Phú Lộc và ấp Trung Thành, xã Tuân Tức - Thạnh Trị
5	Cải tạo sửa chữa tuyến ống PVC D168 bằng ống gang D500 (từ Nhà máy nước Khu Công nghiệp An Nghiệp đến Huỳnh Phan Hộ) - TP. Sóc Trăng
6	Cải tạo sửa chữa tuyến ống PVC D168 bằng ống gang D500 (từ Nhà máy nước Nguyễn Chí Thanh đến Huỳnh Phan Hộ) - TP. Sóc Trăng
7	Cải tạo sửa chữa tuyến ống hẻm Nguyễn Huy Hoàng (khu vực sau Trung tâm thương mại), thị trấn Kế Sách
8	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đến Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao) - thành phố Sóc Trăng
9	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh 19/5, phường 6, tp. Sóc Trăng
10	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường D4 Khu công nghiệp An Nghiệp
11	Cải tạo sửa chữa tuyến ống Lộ đan Kênh 1, ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề
12	Cải tạo sửa chữa tuyến ống ấp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề
13	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Kênh 30/4 nối dài, đoạn từ hộ Trần Văn Hai đến cầu Cống Đá, thị xã Ngã Năm

TT	TÊN DỰ ÁN
14	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Nam Sông Hậu cũ (<i>bên trái</i>), ấp Lợi Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú
15	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Nam Sông Hậu cũ (<i>bên phải</i>), ấp Lợi Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú
16	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Nam Sông Hậu cũ, ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú
17	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường tỉnh 940 (<i>bên phải</i>), đoạn từ Km8+737 đến km9+037, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa
18	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường tỉnh 940 (<i>bên trái</i>), đoạn từ Km7+888 đến km8+188, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa
19	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Võ Thị Sáu, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa
20	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Cầu Chùa, ấp Tập Rèn (<i>đoạn đường tỉnh 932 đi Mỹ Hội</i>), thị trấn Kế Sách
21	Cải tạo sửa chữa tuyến ống hẻm lộ đất, khóm Cà Lãng A Biển, phường 2, thị xã Vĩnh Châu
22	Cải tạo sửa chữa tuyến ống hẻm Trường tiểu học 4, khóm Vĩnh An, phường 2, thị xã Vĩnh Châu
23	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Đê Biển nối đường Lê Lai, khóm 6, phường 1, thị xã Vĩnh Châu
24	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Chùa Phước Biển, phường 2, thị xã Vĩnh Châu
25	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Xẻo Cạy (<i>bên trái</i>) nối dài, đoạn từ hộ Lâm Út Bé đến cầu Xẻo Cạy, Quốc lộ 61B, thị xã Ngã Năm
26	Cải tạo sửa chữa tuyến ống hẻm 308 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng
27	Cải tạo sửa chữa tuyến Xóm rạch Cây Dong, ấp Mỹ Yên, xã Nhơn Mỹ (<i>đợt 3</i>)
28	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Lê Văn Tám, thị trấn Kế Sách
29	Cải tạo sửa chữa tuyến ống hẻm ấp Trương Hiền, xã Thạnh Trị
30	Cải tạo sửa chữa tuyến ống Ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên
31	Cải tạo sửa chữa tuyến ống Đường Kênh 1 tháng 5, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa
32	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Phan Văn Hùng (<i>Đường tỉnh 932, đoạn từ Km14+568 đến Km15+600 bên trái tuyến</i>), huyện Kế Sách
33	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường Phan Văn Hùng (<i>Đường tỉnh 932, đoạn từ Km14+688 đến Km15+138 bên phải tuyến</i>), huyện Kế Sách
34	Cải tạo sửa chữa tuyến ống ấp Phong Phú (<i>Hàng đáy</i>), xã Phong Năm, huyện Kế Sách

b. Xây dựng

TT	Tên dự án
1	Cải tạo sửa chữa quày thu ngân và các tủ đựng hồ sơ - Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi
2	Cải tạo sửa chữa sàn mái Nhà trực vận hành Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh và mái tôn Hội trường công ty
3	Cải tạo sửa chữa nhà kho, hàng rào - Nhà máy nước Mỹ Xuyên 1

c. Công nghệ, nhà máy

TT	Tên dự án
1	Giếng khoan HL3 - Trạm cấp nước Hưng Lợi
2	Giếng khoan VC7 - Trạm cấp nước Hải Ngự
3	Giếng khoan MT4 - Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú
4	Giếng khoan KS6 - Xí nghiệp cấp nước Kế Sách
5	Di dời 2 bồn lọc kín từ Nhà máy nước Long Đức về Xí nghiệp Nguyễn Chí Thanh

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2019- 31/12/2020	Từ 01/01/2020- 31/12/2021	% Tăng, giảm
- Tổng giá trị tài sản	234.520.874.557	200.854.638.592	-14,4%
- Doanh thu thuần	189.566.341.967	197.607.136.339	4,2%
- Lợi nhuận kinh doanh	10.373.786.871	10.788.053.905	4,0%
- Lợi nhuận khác	33.607.003	1.461.263.031	4248,1%
- Lợi nhuận trước thuế	10.407.393.874	12.249.316.936	17,7%
- Lợi nhuận sau thuế	10.407.393.874	12.249.316.936	17,7%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,7	1,4
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,6	1,2

CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	39,8%	23,6%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	66,1%	30,9%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,6	13,5
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,8	1,0
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,5%	6,3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,4%	8,0%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,4%	6,1%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,5%	5,6%

5. Cơ cấu cổ phần, cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cơ cấu cổ phần

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ / điều lệ (%)
1. Tự do chuyển nhượng	9.398.348	93.983.480.000	59,25%
2. Hạn chế chuyển nhượng, trong đó	6.464.785	64.647.850.000	40,75%
- Cổ phần do tổ chức Công đoàn cơ sở sở hữu (không được phép chuyển nhượng)	7.932	79.320.000	0,05%
- Cổ phần do nhà đầu tư chiến lược cam kết không chuyển nhượng (5 năm)	6.345.253	63.452.530.000	40,00%
- Cổ phần do người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài (từ 3 - 10 năm)	111.600	1.116.000.000	0,70%
Tổng cộng	15.863.133	158.631.330.000	100%

5.2. Cơ cấu cổ đông

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2021, cơ cấu cổ đông như sau:

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ so vốn điều lệ (%)
I	Trong nước	15.863.133	158.631.330.000	100%
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	7.772.935	77.729.350.000	49%
2	Cổ phần tổ chức nắm giữ	7.637.398	76.373.980.000	48.15%
3	Cổ phần của cá nhân nắm giữ	452.800	4.528.000.000	2,85%
II	Nước ngoài	0	0	0
Tổng cộng		15.863.133	158.631.330.000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng		7.772.935	49,00%
2	Công ty Cổ phần HAWACO	0101189376	6.345.253	40,00%
3	Công ty Cổ phần VBIC Việt Nam	0108307727	1.284.213	8,10%

- Danh sách cổ đông chiến lược

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Công ty Cổ phần HAWACO	0101189376	6.345.253	40,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước như: Clo (Clo hơi, Clo bột 90%, Clo hạt 90%, Clo hạt 60%, Clo viên), PAC, Chất chống cặn, cát lọc, hạt xốp,... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng

nước của người dân. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 8.754.779 kW

b. Điện năng tiết kiệm được thông qua việc công ty đầu tư lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời công suất 20 kW tại Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên, công suất 38,3 kW tại Trạm cấp nước Hải Ngư và công suất 38,3 kW tại Xí nghiệp cấp nước Thanh Trị. Trong năm sử dụng khoảng 97.735 kW từ hệ thống điện mặt trời thay thế cho nguồn điện lưới từ Công ty Điện Lực.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước sử dụng

Công ty hiện đang quản lý và khai thác hệ thống cấp nước đô thị gồm 24 Nhà máy Trạm khai thác xử lý nước với tổng công suất được cấp phép khai thác là 86.290 m³/ngày đêm, gồm có 06 nhà máy tại thành phố Sóc Trăng, 03 nhà máy tại thị xã, 15 nhà máy tại các xã, thị trấn.

Với nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp nước sạch cho sản xuất công nghiệp và dân cư trên địa bàn, Công ty đặt việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước song song với việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước là mục tiêu hàng đầu. Công suất cấp nước vào mạng lưới hiện tại vào khoảng 65.300 m³/ngày đêm, nguồn nước khai thác chủ yếu là nước ngầm (87%) và nước mặt (13%), tổng số giếng khoan đang quản lý và khai thác là 67 giếng (15 giếng tầng sâu và 52 giếng tầng nông) cung cấp nước sạch cho hơn 94.357 hộ khách hàng.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Hiện tại công ty đang quản lý 24 nhà máy, trạm khai thác xử lý nước. Trong đó, có 07 nhà máy (Nhà máy Khu công nghiệp, Phú Lợi, Mỹ Xuyên 1, Mỹ Xuyên 2, Mỹ Xuyên 3, Mỹ Tú, Thanh Trị) vận hành quy trình xử lý nước tuần hoàn sau lọc, không xả thải ra môi trường. Tổng lượng nước được tái sử dụng khoảng 1.250 m³/ngày, chiếm tỷ lệ 44% tổng lượng nước xử lý của toàn công ty.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 02 lần do khai thác, sử dụng tài nguyên nước vi phạm quy định trong giấy phép tại Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm, Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi và Nhà máy nước Khu công nghiệp.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 137.381.198 đồng

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động: 295 người, mức thu nhập trung bình đối với người lao động là 10.880.000 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ; công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

c. Hoạt động đào tạo

Trong năm, công ty đã cử nhiều đợt cán bộ, người lao động tham gia các buổi Hội thảo, tập huấn chuyên đề, các văn bản pháp luật, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động... do Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Chi hội Cấp nước miền Nam và các cơ quan chức năng tổ chức, qua đó giúp cho người lao động nâng cao kỹ năng, tay nghề và ứng dụng tốt trong công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cấp nước; đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cung cấp nước sạch sử dụng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Do chịu ảnh hưởng đại dịch Covid 19, tình hình sản xuất kinh doanh công ty gặp không ít khó khăn, nhưng với sự quyết tâm, đoàn kết của tập thể người lao động và sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, tình hình tài chính của công ty đã dần ổn định, trong năm 2021 lợi nhuận đạt 113 % so với kế hoạch năm, tăng tương 18% so với 2020; các chế độ, chính sách, tiền lương của người lao động cũng được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định.

Tuy nhiên tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng ngập mặn ngày càng trở nên trầm trọng tại tỉnh Sóc Trăng gây tác động đến nguồn nước cung cấp của công ty, một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2020- 31/12/2020	Từ 01/01/2021- 31/12/2021	Tỷ trọng 01/01/2020- 31/12/2020	Tỷ trọng 01/01/2021- 31/12/2021
- Tài sản ngắn hạn	60.294.889.500	66.421.990.979	25,7%	33,1%
- Tài sản dài hạn	174,225,985,057	134.432.647.613	74,3%	66,9%
Tổng tài sản	234.520.874.557	200.854.638.592	100%	100%

Với đặc thù ngành nghề xử lý và cung cấp nước sạch, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm rất thấp (33,1%) trong khi tài sản cố định luôn chiếm tỷ trọng rất cao (66,9%) trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp do giá trị tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản

xuất kinh doanh là rất lớn. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng đáng kể là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản phải thu ngắn hạn là 18,6 tỷ đồng chủ yếu là nợ phải thu tiền nước sinh hoạt của hộ dân cư, hàng tồn kho là 9,0 tỷ đồng chủ yếu là vật tư chuyên ngành cấp thoát nước.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2020- 31/12/2020	Từ 01/01/2021- 31/12/2021	Tỷ trọng 01/01/2020- 31/12/2020	Tỷ trọng 01/01/2021- 31/12/2021
- Nợ ngắn hạn	86.625.013.157	46.668.761.293	92,8%	98,3%
- Nợ dài hạn	6.742.490.407	783.189.370	7,2%	1,7%
Tổng nợ phải trả	93.367.503.564	47.451.950.663	100%	100%

Năm 2021, Công ty không phát sinh thêm vay dài hạn, chỉ chủ yếu là trả nợ vay ngắn hạn và dài hạn của ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2021, nợ ngắn hạn và dài hạn của công ty lần lượt chiếm tỷ trọng 98,3% và 1,7% trên tổng nợ phải trả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, sắp xếp bố trí lao động hợp lý; xây dựng quy chế khoán đối với các đơn vị trực thuộc nhằm tăng sự tự chủ, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị; tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng lưới phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ không bảo đảm chất lượng, gây thất thoát nước lớn.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến, ứng dụng khoa học công nghệ để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chú trọng công tác quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước khai thác.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, tạo điều kiện để người lao động thể hiện

năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Tập thể, người lao động luôn có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng công ty phát triển.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thông nhất theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban Tổng Giám đốc gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị mới được triển khai thực hiện.

Điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra, đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

Quyền lợi của người lao động luôn được đảm bảo, các chế độ chính sách cho người lao động thực hiện đầy đủ đúng theo quy định, người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động, phát triển và mở rộng đa dạng ngành nghề kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, thất thoát cao...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	0	0	3.172.627	20%
2	Nguyễn Quang Mãi	TV. HĐQT	0	0	3.172.626	20%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
3	Trần Anh Hòa	TV. HĐQT	7.300	0,046%	3.886.467	24,5%
4	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT	0	0	3.886.468	24,5%
5	Đặng Văn Ngọ	TV. HĐQT	7.900	0,05%	1.284.213	8,10%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Tổ trợ lý gồm 02 thành viên có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực hoạt động của công ty và Ban thư ký gồm 04 thành viên, có chức năng nhiệm vụ tổng hợp báo cáo, chuẩn bị tài liệu và ghi chép biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty, đồng thời nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm Hội đồng quản trị đã ban hành 11 Nghị quyết/Quyết định, cụ thể:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT	04/01/2021	Phê duyệt duyệt triển khai thực hiện các nội dung theo Tờ trình số 337/TTr-CN ngày 22/12/2020 và Tờ trình số 348/TTr-CN ngày 28/12/2020 của Ban TGD
2	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	19/01/2021	Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2020
3	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	26/02/2021	Phê duyệt chủ trương tham gia cùng dự án Water WorX hướng đến cấp nước thích nghi biến đổi khí hậu khu vực Tây Nam vùng ĐBSCL thực hiện mở rộng 06 tuyến ống cấp nước tại địa bàn thị xã Vĩnh Châu, huyện Kế Sách và huyện Thạnh Trị
4	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	09/3/2021	Triệu tập ĐHCĐ thường niên năm 2021
5	Quyết định số 05/NQ-HĐQT	17/5/2021	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Trợ lý HĐQT
6	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT	02/6/2021	Phê duyệt chủ trương vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sóc Trăng
7	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	12/7/2021	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT	19/7/2021	Chấp thuận tham gia cùng dự án Water WorX thực hiện mua sắm 06 thiết bị trang cấp cho phòng thí nghiệm
9	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT	19/7/2021	Chấp thuận chủ trương đầu tư hệ thống xử lý nước mặt, công suất 2500 m ³ /ngày đêm tại Xí nghiệp cấp nước Kế Sách
10	Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT	19/7/2021	Nâng công suất khai thác Nhà máy nước phường 8 và lấy mẫu xét nghiệm nước sinh hoạt 6 tháng cuối năm 2021
11	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	19/7/2021	Ban hành Quy chế quản lý và phân phối tiền lương người lao động

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hoạt động theo điều lệ công ty.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Tổ trợ lý, Ban thư ký thực hiện theo nhiệm vụ được giao, là cầu nối giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và các đơn vị trực thuộc.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đào tạo về quản trị trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Vũ Tiên Bộ	Trưởng ban	0	0	0	0
2	Liều Thu Trúc	Phó Trưởng ban	0	0	0	0
3	Thân Hương Lan	Thành viên	0	0	0	0

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Trao đổi thông tin nội bộ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

- Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ;

- Tham gia với Hội đồng quản trị trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương
I	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	276.160.069	507.706.000
2	Đặng Văn Ngọ	TV. HĐQT	124.219.762	
3	Nguyễn Quang Mão	TV.HĐQT	261.754.329	
4	Trần Anh Hòa	TV.HĐQT	261.754.329	
5	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT	261.754.329	
II	Ban kiểm soát			
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS	336.410.705	
2	Liễu Thu Trúc	Thành viên BKS	168.205.352	
3	Thân Hương Lan	Thành viên BKS	88.205.352	
III	Ban Tổng Giám đốc			
1	Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc		495.180.000
2	Trần Anh Hòa	Phó TGĐ		415.951.200
3	Nguyễn Quang Mão	Phó TGĐ		415.951.200
4	Ong Hải Phước	Phó TGĐ		415.951.200

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	Nhập thủy lượng ké	2.878.322.800
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	Mua nước sạch	13.264.826.547
	Mua điện	112.683.216
	Mua vật tư	77.510.000
Ông Nguyễn Quang Mão	Công ty huy động vốn người lao động	25.930.000.000

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, phê duyệt ngày 29/3/2022 được đăng tải trên trang web công ty và được công bố thông tin theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: VT, HC.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đặng Văn Ngo